

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 1423/BQLDA ngày 06 tháng 7 năm 2023, Văn bản số 1770/BQLDA ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Trường THCS Duy Tân và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 492/TTr-STNMT ngày 29 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất, địa chỉ Đường N2, Khu trung tâm hành chính huyện Thống Nhất, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Trường THCS Duy Tân” tại xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trường THCS Duy Tân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quyết định thành lập: Nghị Quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Thống Nhất phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trường THCS Duy Tân; Nghị quyết số 46/NQ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thống Nhất quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trường THCS Duy Tân.



1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng Trường THCS Duy Tân.

1.5. Mã số thuế: 3601495112.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 15.000 m² (theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất tại xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng Trường THCS Duy Tân).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19 tháng 9 năm 2023 đến ngày 19 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thống Nhất;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên, cán bộ nhân viên và học sinh tại trường học (nhà vệ sinh, khu vực rửa tay).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Reo, cách dự án khoảng 550 m.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga nước thải sau xử lý có tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° : $X = 1220532,592$; $Y = 434587,628$.

- Tọa độ vị trí xả thải tại khu vực suối Reo cách dự án khoảng 550 m; dự kiến có tọa độ $X = 1223683,977$; $Y = 954557,073$ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° .

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $20,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	30	
3	TSS	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua	mg/l	1	
6	Amoni	mg/l	5	
7	Nitrat	mg/l	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	

10	Phosphat	mg/l	6	
11	Tổng Coliforms	CFU/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

- Nước mưa từ dự án sẽ được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của dự án gồm mương thoát nước B400 và mương ống BTCL D400. Chủ dự án sẽ đầu tư đường ống bê tông chịu lực D1000 mm kết hợp với ống HDPE để dẫn nước mưa dọc đường dân sinh chảy về suối Reo.

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải vệ sinh từ khu vực nhà bảo vệ được thu gom và xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn; nước thải vệ sinh từ khu vực phòng học và khối hành chính quản trị được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 5 ngăn, sau đó nước thải được thu gom bằng ống HDPE Ø140 dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m³/ngày.đêm, để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K = 1,0.

Chủ dự án sẽ đầu tư đường ống bê tông chịu lực D1000mm kết hợp với ống HDPE để dẫn nước thải sau xử lý đến nguồn tiếp nhận là suối Reo (cách dự án khoảng 550 m), sau đó ra điểm tiếp nhận cuối cùng là Hồ Trị An.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hồ thu gom → song chắn rác → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học Oxic/MBBR → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn áp lực → Hồ ga → mương bê tông chịu lực thoát nước dọc B400 → Suối Reo → hồ Trị An.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine (khoảng 54,75 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 30 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại hố ga nước thải trước khi ra khỏi khu vực dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0; không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Việc thi công đường ống thoát nước từ Dự án đến suối Reo (để thoát nước mưa và nước thải của Dự án) phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tiến độ triển khai của Dự án; chỉ thực hiện xả thải, đưa dự án vào hoạt động sau khi hoàn thành tuyến thoát nước; không được phép tự thấm hoặc xả tràn, gây ô nhiễm môi trường.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

2. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

3. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý sinh học; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới các dãy lớp học và khu dân cư hiện hữu.

4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Tiếng ồn

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Hoạt động các phương tiện giao thông tại cổng trường
- Nguồn số 2: Hoạt động dạy, học của giáo viên và học sinh.
- Nguồn số 3: Hoạt động của các thiết bị trong khu vực hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: X = 1220744,406; Y = 434597,852.
 - Nguồn số 2: X = 1220612,538; Y = 434626,727.
 - Nguồn số 3: X = 1220544,426; Y = 434578,028
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45 phút chiều 3°)

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

2. Độ rung: Không phát sinh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án.
- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	1	19 02 06	NH
2	Các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng cảnh quan: vỏ thùng sơn, ...	Rắn	1	18 01 04	KS
3	Các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng cảnh quan: vỏ thuốc bảo vệ thực vật, phân bón...;	Rắn	2	18 01 01	KS
4	Các loại giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2	18 02 01	KS
5	Chất thải y tế chứa các tác nhân lây nhiễm	Rắn	1	13 01 01	NH
Tổng			7		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Chất thải rắn thông thường	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	-	13.300
2	Hộp mực in văn phòng (loại không chứa thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	Rắn	08 02 08	2
3	Bao bì, giấy vụn, bìa catton,...	Rắn	-	15
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	-	472,5
5	Lá, cành cây..	Rắn	-	5
Tổng				13.794,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	12.182

STT	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/tháng)
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	1.444
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	4.054
	Tổng cộng	17.680

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa dung tích chứa 60 lít đến 120 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 05 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Cầu móng đơn, nền bê tông cốt thép có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại sẽ được định kỳ thu gom, chuyển giao xử lý.

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dung tích chứa 90 lít đến 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Chất thải rắn công nghiệp được thu gom và lưu chứa chung với khu chứa chất thải sinh hoạt của trường học, có diện tích khoảng 05 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Cầu móng đơn, nền bê tông cốt thép có mái che, tường xây gạch.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 90 lít đến 240 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 05 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: cầu móng đơn, nền bê tông cốt thép có mái che, tường xây gạch.

- Thực hiện chương trình phân loại chất thải tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn học sinh thực hiện phân loại chất thải tại nguồn theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm

bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải của dự án.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.



8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

9. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Dự án chỉ được triển khai sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng và các quy định khác có liên quan.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.